TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BA ĐỒN** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST
Ngày 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tưởng Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Bảo
2. Bà Trần Thị Ngọc Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Như Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ba, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2017 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/3/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1979

Trú tại: Tổ dân phố Tân Mỹ, phường Quảng Phúc, thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

2. Bị đơn: Chị Đoàn Thị Lành, sinh năm 1984

Trú tại: Tổ dân phố N, phường Q T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình.

(Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 10/11/2017 và bản tự khai cũng như tại phiên toà, nguyên đơn, anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh và chị Đoàn Thị L tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, tỉnh Quảng Bình (Nay là phường T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình) vào ngày 15/6/2009. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của anh chị chỉ hạnh phúc được hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng và sự tin tưởng của cả hai người dành cho nhau

đều không còn. Anh chị đã nhiều lần hòa giải với nhau để tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng vì thực sự giữa hai người có quá nhiều sự trái ngược nên anh chị đã quyết định sống ly thân từ khoảng đầu năm 2015 cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân đó, không ai còn quan tâm hay hỏi han gì đến ai, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt dần. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được và hiện tại anh không còn tình cảm gì với chị L nữa, nên nguyện vọng mong muốn được ly hôn với chị L để ổn định cuộc sống bản thân sau này.

Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010. Sau ly hôn, anh có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh H thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về mặt tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, không có vấn đề gì vi phạm; nguyên đơn tuân thủ nghiêm chỉnh sự triệu tập của Tòa án, thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình; bị đơn mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về mặt nội dung: Đề nghị căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét xử vắng mặt chị Đoàn Thị L đồng thời xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho anh H ly hôn với chị L; đề nghị áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình giao cho anh H được quyền nuôi dưỡng con chung. Do anh H không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu xem xét về tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét giải quyết về các vấn đề này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Giấy triệu tập nhiều lần cho chị Lành nhưng chị L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường T và theo lời khai của ông Đoàn Văn T (bố đẻ của chị L) cho thấy: Gia đình chị L đã nhận được đầy đủ các văn bản tố tụng nói trên của Tòa án và đã thông báo cho chị L biết về nội dung, thời gian đến trụ sở Tòa án cũng như trụ sở Ủy ban nhân dân phường T để tham gia tố tụng. Tuy nhiên, mặc dù chị L không có mặt theo các thông báo và giấy triệu tập của Tòa án để giải

quyết vụ án nhưng đã gọi điện thoại về cho gia đình trình bày đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết vụ án vắng mặt chị.

Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật, mở phiên tòa xét xử vụ án vào ngày 23/3/2018, trước đó đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị L, tuy nhiên, do chị Đoàn Thị L vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa. Tòa án triệu tập chị L đến phiên tòa lần thứ hai vào ngày 17/4/2018, đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập đến phiên toà, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị L, nhưng tại phiên tòa chị L vẫn tiếp tục vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn H có đơn yêu cầu ly hôn chị Đoàn Thị L. Mặt khác, anh H và chị L hiện nay đều có hộ khẩu thường trú tại phường Quảng T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã B.

Về sự vắng mặt của chị Đoàn Thị L tại phiên toà, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà hai lần nhưng chị L vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 xét xử vụ án vắng mặt chị L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị L lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên quan hệ hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, sống chung hạnh phúc không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, cuộc sống gia đình luôn trong không khí căng thẳng, nặng nề. Hai bên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H kiên quyết xin được ly hôn với chị L.

Đối với chị Đoàn Thị L, mặc dù đã nhận được văn bản tố tụng đầy đủ, chị biết rõ việc anh H làm đơn xin ly hôn mình và vụ án đang được Tòa án thụ lý giải quyết theo thẩm quyền nhưng đã cố tình vắng mặt, cố tình trốn tránh, không chấp hành theo triệu tập của Tòa án. Theo trình bày của anh H và kết quả xác minh cho thấy, trong khoảng thời gian dài ly thân, chị L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đối với chồng, con, không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H, áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn đối với chị Đoàn Thị L là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung: Trong quá trình chung sống, anh Nguyễn Văn H và chị Đoàn Thị L có 01 con chung, tên là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010. Xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu A ở với anh H và hiện tại cháu A đã có đơn trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố. Vì vậy, xét nguyện vọng của anh H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con là hoàn toàn chính đáng và phù hợp. Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao con cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị Đoàn Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H đều thừa nhận vợ chồng không có tài sản chung .

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn chị Đoàn Thị L.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn H, xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Đoàn Thị L.

3. Về quan hệ con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2010. Chị Đoàn Thị L không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do anh H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung: Không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* mà anh đã nộp trước đây tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002836, ngày 05/12/2017. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử sơ thẩm, Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Tưởng THị Hà